

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY 2024
(Bản Dự kiến)

Trường Đại học Tài chính - Marketing dự kiến đề án tuyển sinh (Bản tóm tắt) trình độ đại học hình thức chính quy năm 2024 như sau:

I. THÔNG TIN TUYỂN SINH CHUNG

1. Chỉ tiêu tuyển sinh: dự kiến 4.300 chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học chính quy trong kỳ tuyển sinh năm 2024.

2. Đối tượng tuyển sinh:

Đối tượng dự tuyển là người Việt Nam hoặc người nước ngoài thuộc một trong hai trường hợp sau:

a) Người đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên), hoặc bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương được dự tuyển vào tất cả các ngành đào tạo của Trường;

b) Người có bằng tốt nghiệp trung cấp và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của pháp luật được dự tuyển vào các ngành đào tạo của Trường thuộc nhóm ngành của ngành nghề đã tốt nghiệp trung cấp.

c) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành và có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

Tùy theo yêu cầu tuyển sinh theo các phương thức xét tuyển cụ thể của Trường, quy định về điều kiện và đối tượng tuyển sinh sẽ được thể hiện chi tiết tại từng phương thức xét tuyển.

3. Phạm vi tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước.

4. Mã tuyển sinh của Trường: DMS.

5. Tổ hợp xét tuyển:

- Tổ hợp A00: Toán - Vật lí - Hóa học.
- Tổ hợp A01: Toán - Vật lí - Tiếng Anh.
- Tổ hợp D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh.
- Tổ hợp D72: Ngữ văn - Tiếng Anh - Khoa học tự nhiên (tổ hợp các môn Vật lí, Hóa học, Sinh học).
- Tổ hợp D78: Ngữ văn - Tiếng Anh - Khoa học xã hội (tổ hợp các môn Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân).
- Tổ hợp D96: Toán - Tiếng Anh - Khoa học xã hội (tổ hợp các môn Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân).

6. Ngành, chuyên ngành đào tạo:

a. Chương trình chuẩn:

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	MÃ ĐKXT	TỔ HỢP XÉT TUYỂN	CHỈ TIÊU
1	Ngành Quản trị kinh doanh , gồm các chuyên ngành: - Quản trị kinh doanh tổng hợp - Quản trị bán hàng - Quản trị dự án	7340101	A00, A01, D01, D96	340
2	Ngành Marketing , gồm các chuyên ngành: - Quản trị Marketing - Quản trị thương hiệu - Truyền thông Marketing	7340115	A00, A01, D01, D96	210
3	Ngành Bất động sản , chuyên ngành Kinh doanh bất động sản	7340116	A00, A01, D01, D96	120
4	Ngành Kinh doanh quốc tế , gồm các chuyên ngành: - Quản trị kinh doanh quốc tế - Thương mại quốc tế - Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	7340120	A00, A01, D01, D96	210
5	Ngành Tài chính - Ngân hàng , gồm các chuyên ngành: - Tài chính doanh nghiệp - Ngân hàng - Thuế - Hải quan - Xuất nhập khẩu - Tài chính công - Thẩm định giá	7340201	A00, A01, D01, D96	550
6	Ngành Công nghệ tài chính , chuyên ngành Công nghệ tài chính	7340205	A00, A01, D01, D96	60

✓

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	MÃ ĐKXT	TỔ HỢP XÉT TUYỂN	CHỈ TIÊU
7	Ngành Kế toán , gồm các chuyên ngành: - Kế toán doanh nghiệp - Kiểm toán	7340301	A00, A01, D01, D96	140
8	Ngành Kinh tế , chuyên ngành Quản lý kinh tế	7310101	A00, A01, D01, D96	80
9	Ngành Luật kinh tế , chuyên ngành Luật Đầu tư và Kinh doanh	7380107	A00, A01, D01, D96	60
10	Ngành Toán kinh tế , chuyên ngành Tài chính định lượng	7310108	A00, A01, D01, D96	60
11	Ngành Ngôn ngữ Anh , chuyên ngành Tiếng Anh kinh doanh	7220201	D01, D72, D78, D96 (điểm bài thi tiếng Anh nhân hệ số 2)	200
12	Ngành Hệ thống thông tin quản lý , gồm các chuyên ngành: - Hệ thống thông tin kế toán - Tin học quản lý	7340405	A00, A01, D01, D96	165
Tổng cộng				2.195

b. Chương trình đặc thù:

STT	NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH	MÃ ĐKXT	TỔ HỢP XÉT TUYỂN	CHỈ TIÊU
1	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành , chuyên ngành Quản trị lữ hành	7810103_DT	D01, D72, D78, D96	60
2	Ngành Quản trị khách sạn , chuyên ngành Quản trị khách sạn	7810201_DT	D01, D72, D78, D96	120
3	Ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống , chuyên ngành Quản trị nhà hàng	7810202_DT	D01, D72, D78, D96	60
Tổng cộng				240

c. Chương trình tích hợp:

Chương trình tích hợp được tổ chức đào tạo có ít nhất 20% số tín chỉ các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo được giảng dạy bằng Tiếng Anh.

STT	NGÀNH ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO	MÃ ĐKXT	TỔ HỢP XÉT TUYỂN	CHỈ TIÊU
1	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp	7340101_TH	A00, A01, D01, D96	400
		Quản trị bán hàng			
2	Marketing	Quản trị Marketing	7340115_TH	A00, A01, D01, D96	400
		Truyền thông Marketing			
3	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	7340301_TH	A00, A01, D01, D96	150
4	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	7340201_TH	A00, A01, D01, D96	350
		Ngân hàng			
		Hải quan - Xuất nhập khẩu			
5	Kinh doanh quốc tế	Quản trị kinh doanh quốc tế	7340120_TH	A00, A01, D01, D96	400
		Thương mại quốc tế			
		Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu			
Tổng cộng					1.700

d. Chương trình tiếng Anh toàn phần:

Chương trình tiếng Anh toàn phần được tổ chức giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh, trừ các học phần đặc thù giảng dạy bằng tiếng Việt.

STT	NGÀNH ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO	MÃ ĐKXT	TỔ HỢP XÉT TUYỂN	CHỈ TIÊU
1	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101_TATP	A00, A01, D01, D96	40
2	Marketing	Marketing	7340115_TATP	A00, A01, D01, D96	40
3	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	7340120_TATP	A00, A01, D01, D96	40
Tổng cộng					120

đ. Chương trình tài năng:

Chương trình tài năng được tổ chức đào tạo theo định hướng nghiên cứu. Chương trình tài năng tuyển chọn thí sinh trong danh sách thí sinh trúng tuyển đã

hoàn thành thủ tục nhập học ngành Tài chính - Ngân hàng thuộc chương trình chuẩn, chương trình tích hợp của Trường có đơn đăng ký tham gia tuyển chọn vào học chương trình tài năng.

STT	NGÀNH ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO	CHỈ TIÊU
1	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính	50
Tổng cộng			50

Tuyển chọn thí sinh vào học chương trình tài năng dựa vào điểm xét tuyển và năng lực tiếng Anh (tối thiểu đạt Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế TOEIC 300/ TOEFL ITP 390/ TOEFL iBT 30/ IELTS 3.0/ Linguaskill (General/Business) 125/ A2 CEFR/ A2 Aptis ESOL International Certificate hoặc Chứng chỉ tiếng Anh bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam còn thời hạn giá trị (trong 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ đến thời điểm Trường nhận chứng chỉ); hoặc đạt tối thiểu 300 điểm tại kỳ kiểm tra tiếng Anh theo dạng thức TOEIC do Trường tổ chức cho thí sinh sau khi nhập học vào Trường) của thí sinh từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu. Cơ cấu chỉ tiêu phân bổ theo các phương thức xét tuyển của thí sinh trúng tuyển như sau:

STT	Phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu
1	Phương thức 1: Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển (mã phương thức: 301)	1
2	Phương thức 2: Xét tuyển học sinh có kết quả học tập THPT tốt (mã phương thức: 201)	20
3	Phương thức 3: Xét tuyển kết quả học tập THPT theo tổ hợp môn (mã phương thức: 202)	2
4	Phương thức 4: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (mã phương thức: 402)	10
5	Phương thức 5: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá đầu vào trên máy tính (V-SAT) phục vụ tuyển sinh năm 2024 của các trường tham gia ký kết với Trường Đại học Tài chính – Marketing (mã phương thức: 404)	2
6	Phương thức 6: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT (mã phương thức: 100)	15
Tổng cộng		50

II. PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN VÀ QUY TRÌNH XÉT TUYỂN

Nhà trường triển khai thực hiện các phương thức xét tuyển và quy trình xét tuyển theo kế hoạch xét tuyển như sau:

1. Các phương thức xét tuyển và phân bổ chỉ tiêu theo các phương thức xét tuyển:

1.1. Phương thức 1: Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển (mã phương thức: 301)

Xét tuyển tuân tự từ trên xuống theo các đối tượng xét tuyển được sắp xếp như sau:

1.1.1. Tuyển thẳng:

Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành đào tạo của Trường.

Thí sinh được đăng ký không hạn chế số lượng nguyện vọng ĐKXT vào các ngành đào tạo thuộc các chương trình đào tạo của Trường (*chương trình chuẩn, chương trình đặc thù, chương trình tích hợp, chương trình tiếng Anh toàn phần*); các nguyện vọng được xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là ưu tiên cao nhất).

1.1.2. Xét tuyển thẳng:

Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT) tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT vào các ngành đào tạo của Trường phù hợp với môn thi, nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải trong tổ hợp xét tuyển của ngành; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng (xem Phụ lục 1, 2).

Thí sinh được đăng ký không hạn chế số lượng nguyện vọng ĐKXT vào các ngành đúng hoặc phù hợp thuộc các chương trình đào tạo của Trường (*chương trình chuẩn, chương trình đặc thù, chương trình tích hợp, chương trình tiếng Anh toàn phần*); các nguyện vọng được xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là ưu tiên cao nhất).

Xét tuyển thẳng theo nguyên tắc xét tuyển vào ngành đứng trước, sau đó xét tuyển vào ngành phù hợp.

1.1.3. Ưu tiên xét tuyển đối với thí sinh có thành tích ở các kỳ thi:

Thí sinh có học lực năm lớp 10, năm lớp 11, học kỳ 1 lớp 12 xếp loại từ Giỏi trở lên hoặc có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 đáp ứng ngưỡng đầu vào theo quy định của Trường, đồng thời thuộc 1 trong 2 đối tượng xét tuyển sau:

a) Thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng tại điểm 1.1.2. nhưng không dùng quyền xét tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào các ngành đào tạo của Trường theo nguyện vọng cá nhân.

b) Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia được ưu tiên xét tuyển vào các ngành đào tạo của Trường phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải trong tổ hợp xét tuyển của ngành; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.



Thí sinh được đăng ký không hạn chế số lượng nguyện vọng ĐKXT vào các ngành đào tạo phù hợp thuộc các chương trình đào tạo của Trường (*chương trình chuẩn, chương trình đặc thù, chương trình tích hợp, chương trình tiếng Anh toàn phần*); các nguyện vọng được xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là ưu tiên cao nhất).

Trường hợp số thí sinh ưu tiên xét tuyển vượt chỉ tiêu tuyển của Phương thức này, Trường sẽ sử dụng điểm xét tuyển được tính toán tương tự theo quy định ở Phương thức 2 đối với trường hợp xét tuyển dựa theo kết quả học tập THPT, theo quy định ở Phương thức 6 đối với trường hợp xét tuyển dựa theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 để xét trúng tuyển cho thí sinh.

1.1.4. Xét tuyển đối với thí sinh diện chính sách:

Trường sẽ căn cứ kết quả học tập THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học đối với những trường hợp quy định dưới đây:

a) Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học tại Trường (nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường);

b) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

Những thí sinh này phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Trường quy định.

c) Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

Những thí sinh này phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Trường quy định.

d) Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định tại Điều 6 Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 quy định về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thí sinh được đăng ký không hạn chế số lượng nguyện vọng ĐKXT vào các ngành đào tạo thuộc các chương trình đào tạo của Trường (*chương trình chuẩn, chương trình đặc thù, chương trình tích hợp, chương trình tiếng Anh toàn phần*); các nguyện vọng được xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là ưu tiên cao nhất).

1.1.5. Xét trúng tuyển:

Trường xét trúng tuyển dựa trên các điều kiện quy định của từng đối tượng xét tuyển theo thứ tự từ mục 1.1.1. xuống 1.1.4. Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký trong phương thức xét tuyển. Trường hợp số thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển có cùng tiêu

chuẩn/điều kiện trúng tuyển ở cuối danh sách vượt chỉ tiêu tuyển, Trường sẽ ưu tiên trúng tuyển đối với thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn.

1.1.6. Chỉ tiêu tuyển:

Tối đa 2% chỉ tiêu của ngành đào tạo theo từng chương trình đào tạo (chương trình chuẩn, chương trình đặc thù, chương trình tích hợp, chương trình tiếng Anh toàn phần).

1.2. Phương thức 2: Xét tuyển học sinh có kết quả học tập THPT tốt (mã phương thức: 201)

1.2.1. Đối tượng đăng ký xét tuyển:

Thí sinh học đầy đủ và tốt nghiệp Chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT theo hình thức giáo dục chính quy (không áp dụng đối với thí sinh thuộc hình thức giáo dục thường xuyên) thỏa mãn 1 trong 4 diện xét tuyển sau:

– Diện xét tuyển 1: Học sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 có học lực Giỏi trở lên năm lớp 10, năm lớp 11, học kỳ 1 lớp 12.

– Diện xét tuyển 2: Học sinh học đầy đủ và tốt nghiệp THPT năm 2024 tại các trường chuyên, năng khiếu trực thuộc tỉnh/thành phố/đại học có điểm trung bình mỗi môn học trong tổ hợp xét tuyển của năm lớp 10, năm lớp 11, học kỳ 1 lớp 12 từ 7,0 điểm trở lên.

– Diện xét tuyển 3: Học sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi học sinh giỏi, cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố trở lên hoặc là thành viên đội tuyển của trường/tỉnh/thành phố tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia có điểm trung bình mỗi môn học trong tổ hợp xét tuyển của năm lớp 10, năm lớp 11, học kỳ 1 lớp 12 từ 6,0 điểm trở lên.

Ghi chú: Thí sinh chọn giải thưởng cao nhất đạt được trong 03 năm lớp 10, 11, 12 để đăng ký xét tuyển; không áp dụng đối với học sinh đạt giải thưởng các kỳ thi Olympic cấp trường/tỉnh/thành phố, kỳ thi học sinh giỏi giải toán trên máy tính Casio.

– Diện xét tuyển 4: Học sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 có điểm tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.5 trở lên (hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương được quy định tại Bảng 1) hoặc Chứng chỉ tiếng Anh bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các cơ sở giáo dục được phép cấp còn thời hạn hiệu lực tính đến ngày Trường nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT) và học lực Khá trở lên năm lớp 10, năm lớp 11, học kỳ 1 lớp 12.

1.2.2. Nguyên vọng đăng ký xét tuyển:

Thí sinh được đăng ký không hạn chế số lượng nguyện vọng ĐKXT vào các ngành đào tạo thuộc các chương trình đào tạo của Trường (*chương trình chuẩn, chương trình đặc thù, chương trình tích hợp, chương trình tiếng Anh toàn phần*); các nguyện vọng được xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là ưu tiên cao nhất).

1.2.3. Điểm xét tuyển và xét trúng tuyển:

– Điểm xét tuyển:

Điểm xét tuyển = Tổng điểm trung bình theo tổ hợp xét tuyển + Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có)

Trong đó:

+ Điểm xét tuyển, Tổng điểm trung bình theo tổ hợp xét tuyển được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

+ Tổng điểm trung bình theo tổ hợp xét tuyển: là tổng điểm trung bình các môn học của năm lớp 10, năm lớp 11, học kỳ 1 lớp 12 trong tổ hợp xét tuyển theo thang điểm 10 đối với từng môn học của từng tổ hợp xét tuyển, được tính:

Tổng điểm trung bình theo tổ hợp xét tuyển = ĐTB Môn 1 + ĐTB Môn 2 + ĐTB Môn 3

ĐTB Môn 1 = [ĐTB Môn 1 (lớp 10) + ĐTB Môn 1 (lớp 11) + ĐTB Môn 1 (hk1 lớp 12)] / 3; làm tròn đến hai chữ số thập phân, tính tương tự cho các môn còn lại.

Điểm môn Khoa học Xã hội, Khoa học Tự nhiên là điểm trung bình cộng của các môn thành phần, làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Riêng ngành Ngôn ngữ Anh, điểm trung bình môn tiếng Anh được nhân hệ số 2, sau đó quy Tổng điểm trung bình theo tổ hợp xét tuyển về thang điểm 30 trước khi xét trúng tuyển bằng cách lấy Tổng điểm trung bình theo tổ hợp xét tuyển của thí sinh nhân với 3, rồi chia cho 4.

+ Quy đổi điểm tham chiếu để tính điểm xét tuyển:

Bảng 1: Chứng chỉ tiếng Anh

Chứng chỉ	Điểm quy đổi để xét tuyển		
	8	9	10
Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNNVN)	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5, Bậc 6
	4.0-5.5	6.0-8.0	8.5-10
Khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR)	B1	B2	C1, C2
TOEFL iBT	30-45	46-93	94-120
TOEFL ITP	450-499	500-626	627-677
TOEIC	550-780	785-940	945-990
IELTS (Academic)	4.0-5.0	5.5-6.5	7.0-9.0
Cambridge Assessment English - Linguaskill	140-159	160-179	>=180
Aptis ESOL International Certificate	B1	B2	C1, C2

Nhà trường sẽ lấy điểm cao nhất giữa điểm trung bình môn học tiếng Anh trong học bạ THPT và điểm quy đổi của chứng chỉ tiếng Anh (nếu thí sinh có nộp chứng chỉ tiếng Anh) theo Bảng 1 để xét trúng tuyển.

+ **Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực:** áp dụng theo quy định trong Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực đối với thí sinh đạt Tổng điểm trung bình theo tổ hợp xét tuyển từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực = [(30 - Tổng điểm trung bình theo tổ hợp xét tuyển)/7,5] × Mức điểm ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

– Xét trúng tuyển:

+ Trường xét trúng tuyển theo thứ tự từ Diện xét tuyển 1 xuống Diện xét tuyển 4 theo Điểm xét tuyển từ cao xuống thấp và xét bình đẳng giữa các nguyện vọng đăng ký trong cùng ngành xét tuyển thuộc từng chương trình đào tạo (theo mã đăng ký xét tuyển) của mỗi diện xét tuyển.

+ Điểm trúng tuyển áp dụng chung cho các tổ hợp xét tuyển của ngành và chương trình đào tạo (cùng mã đăng ký xét tuyển) theo mỗi diện xét tuyển.

+ Tại mỗi diện xét tuyển, thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký. Trường hợp thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển ở nhiều diện xét tuyển theo cùng mã đăng ký xét tuyển trong phương thức xét tuyển thì nguyện vọng trúng tuyển của thí sinh được công nhận tại diện xét tuyển có thứ tự cao hơn.

+ Tiêu chí xét tuyển phụ: trường hợp số thí sinh bằng điểm trúng tuyển ở cuối danh sách trong mỗi diện xét tuyển vượt chỉ tiêu thì Trường sẽ sử dụng tiêu chí xét tuyển phụ theo thứ tự điểm môn Toán, điểm/chứng chỉ tiếng Anh, kết quả bài thi SAT (nếu có) có điểm cao hơn cho đến khi đủ chỉ tiêu. Nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu, Trường sẽ ưu tiên trúng tuyển đối với thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn.

1.2.4. Chỉ tiêu tuyển:

Tối đa 43% chỉ tiêu của ngành đào tạo theo từng chương trình đào tạo (chương trình chuẩn, chương trình đặc thù, chương trình tích hợp, chương trình tiếng Anh toàn phần). Trong đó, dự kiến ưu tiên thí sinh diện 1 là 15%, diện 2 và 3 là 25%, thí sinh diện 4 là 3%.

1.3. Phương thức 3: Xét tuyển kết quả học tập THPT theo tổ hợp môn (mã phương thức: 202)

1.3.1. Đối tượng đăng ký xét tuyển:

Học sinh tốt nghiệp THPT các năm 2024, 2023, 2022 có tổng điểm trung bình các môn học trong tổ hợp xét tuyển của năm lớp 10, năm lớp 11, học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 18,0 điểm trở lên.

1.3.2. Nguyện vọng đăng ký xét tuyển:

Thí sinh được đăng ký không hạn chế số lượng nguyện vọng ĐKXT vào các ngành đào tạo thuộc các chương trình đào tạo của Trường (*chương trình chuẩn, chương trình đặc thù, chương trình tích hợp, chương trình tiếng Anh toàn phần*); các nguyện vọng được xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là ưu tiên cao nhất).

1.3.3. Điểm xét tuyển và xét trúng tuyển:

Áp dụng tương tự theo quy định tại mục 1.2.3.

1.3.4. Chỉ tiêu tuyển:

Tối đa 5% chỉ tiêu của ngành đào tạo theo từng chương trình đào tạo (chương trình chuẩn, chương trình đặc thù, chương trình tích hợp, chương trình tiếng Anh toàn phần).

1.4. Phương thức 4: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (mã phương thức: 402)

1.4.1. Đối tượng đăng ký xét tuyển:

Học sinh tốt nghiệp THPT đăng ký dự thi và có kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024.

1.4.2. Nguyên vọng đăng ký xét tuyển:

Thí sinh được đăng ký không hạn chế số lượng nguyên vọng ĐKXT vào các ngành đào tạo thuộc các chương trình đào tạo của Trường (*chương trình chuẩn, chương trình đặc thù, chương trình tích hợp, chương trình tiếng Anh toàn phần*); các nguyên vọng được xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyên vọng 1 là ưu tiên cao nhất).

1.4.3. Điểm xét tuyển và xét trúng tuyển:

– Điểm xét tuyển:

Điểm xét tuyển = Điểm kết quả kỳ thi đánh giá năng lực + Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có)

(Điểm xét tuyển, Điểm kết quả kỳ thi đánh giá năng lực được làm tròn đến hai chữ số thập phân)

Trong đó:

+ **Điểm kết quả kỳ thi đánh giá năng lực:** là điểm thí sinh đạt được tại kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2024. Nếu thí sinh dự thi và có kết quả thi Đánh giá năng lực ở các đợt thi của Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024 thì Trường sẽ lấy kết quả Đánh giá năng lực cao nhất của thí sinh để xét trúng tuyển cho thí sinh.

+ **Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực:** áp dụng theo quy định trong Quy chế tuyển sinh hiện hành, mức điểm ưu tiên được quy đối tượng đương theo thang điểm 1.200 của kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Mức chênh lệch điểm giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 40 (bốn mươi) điểm, giữa hai khu vực kế tiếp là 10 (mười) điểm theo thang điểm 1.200 của kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực đối với thí sinh đạt Điểm kết quả kỳ thi đánh giá năng lực từ 900 (tương ứng tổng điểm 22,5 theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) trở lên được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực} = [(1.200 - \text{Điểm kết quả kỳ thi đánh giá năng lực})/300] \times \text{Mức điểm ưu tiên được quy đối tượng đương theo thang điểm 1.200 của kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.}$$

Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

– Xét trúng tuyển:

+ Trường xét trúng tuyển theo Điểm xét tuyển từ cao xuống thấp và xét bình đẳng giữa các nguyện vọng đăng ký trong cùng ngành xét tuyển thuộc từng chương trình đào tạo (theo mã đăng ký xét tuyển). Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.

+ Tiêu chí xét tuyển phụ: trường hợp số thí sinh bằng điểm trúng tuyển ở cuối danh sách vượt chỉ tiêu thì Trường sẽ ưu tiên trúng tuyển đối với thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn.

1.4.4. Chỉ tiêu tuyển:

Tối đa 25% chỉ tiêu của ngành đào tạo theo từng chương trình đào tạo (chương trình chuẩn, chương trình đặc thù, chương trình tích hợp, chương trình tiếng Anh toàn phần).

1.5. Phương thức 5: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá đầu vào trên máy tính (V-SAT) phục vụ tuyển sinh năm 2024 của các trường tham gia ký kết với Trường Đại học Tài chính – Marketing (mã phương thức: 404)

1.5.1. Đối tượng đăng ký xét tuyển:

Học sinh tốt nghiệp THPT đăng ký dự thi và có kết quả các đợt thi của kỳ thi Đánh giá đầu vào trên máy tính (V-SAT) phục vụ tuyển sinh năm 2024 của các trường tham gia ký kết với Trường Đại học Tài chính – Marketing, gồm: Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sài Gòn, Trường Đại học Cần Thơ, Học viện Ngân hàng và Đại học Thái Nguyên (gọi tắt là kỳ thi Đánh giá đầu vào trên máy tính (V-SAT) phục vụ tuyển sinh năm 2024 của các trường tham gia ký kết với Trường Đại học Tài chính – Marketing).

Lưu ý: Trường Đại học Tài chính – Marketing chỉ nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển đối với thí sinh dự thi và có kết quả thi đầy đủ các môn thi/bài thi theo tổ hợp xét tuyển của Trường tại các đợt thi của kỳ thi Đánh giá đầu vào trên máy tính (V-SAT) phục vụ tuyển sinh năm 2024 trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển vào Trường.

1.5.2. Nguyện vọng đăng ký xét tuyển:

Thí sinh được đăng ký không hạn chế số lượng nguyện vọng ĐKXT vào các ngành đào tạo thuộc các chương trình đào tạo của Trường (*chương trình chuẩn, chương trình đặc thù, chương trình tích hợp, chương trình tiếng Anh toàn phần*); các nguyện vọng được xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là ưu tiên cao nhất).

1.5.3. Điểm xét tuyển và xét trúng tuyển:

Áp dụng tương tự theo quy định tại mục 1.6.3.

1.5.4. Chỉ tiêu tuyển:

Tối đa 5% chỉ tiêu của ngành đào tạo theo từng chương trình đào tạo (chương trình chuẩn, chương trình đặc thù, chương trình tích hợp, chương trình tiếng Anh toàn phần).

1.6. Phương thức 6: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT (mã phương thức: 100)

1.6.1. Đối tượng đăng ký xét tuyển:

Học sinh tốt nghiệp THPT có kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 các bài thi/môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển của Trường.

1.6.2. Nguyên vọng đăng ký xét tuyển:

Thí sinh được đăng ký không hạn chế số lượng nguyện vọng ĐKXT vào các ngành đào tạo thuộc các chương trình đào tạo của Trường (*chương trình chuẩn, chương trình đặc thù, chương trình tích hợp, chương trình tiếng Anh toàn phần*); các nguyện vọng được xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là ưu tiên cao nhất).

1.6.3. Điểm xét tuyển và xét trúng tuyển:

– Điểm xét tuyển:

Điểm xét tuyển = Tổng điểm theo tổ hợp xét tuyển + Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có)

Trong đó:

+ Điểm xét tuyển được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

+ **Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực:** áp dụng theo quy định trong Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực đối với thí sinh đạt Tổng điểm trung bình theo tổ hợp xét tuyển từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực = [(30 - Tổng điểm trung bình theo tổ hợp xét tuyển)/7,5] × Mức điểm ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Lưu ý: Trường không sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn tiếng Anh, điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi tốt nghiệp THPT các năm trước để xét tuyển theo phương thức này.

- Xét trúng tuyển:

+ Trường xét trúng tuyển theo Điểm xét tuyển từ cao xuống thấp và xét bình đẳng giữa các nguyện vọng đăng ký trong cùng ngành xét tuyển thuộc từng chương trình đào tạo (theo mã đăng ký xét tuyển). Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký. Điểm trúng tuyển áp dụng chung cho các tổ hợp xét tuyển của ngành và chương trình đào tạo (cùng mã đăng ký xét tuyển).

+ Tiêu chí xét tuyển phụ: trường hợp thí sinh bằng điểm trúng tuyển ở cuối danh sách thì Trường sẽ sử dụng tiêu chí xét tuyển phụ sau: xét ưu tiên điểm từ cao xuống thấp của bài thi/môn thi chính trong tổ hợp xét tuyển cho đến khi đủ chỉ tiêu.



Nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu, Trường sẽ ưu tiên trúng tuyển đối với thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn.

1.6.4. Chỉ tiêu tuyển:

Chỉ tiêu còn lại của các ngành đào tạo theo từng chương trình đào tạo (*chương trình chuẩn, chương trình đặc thù, chương trình tích hợp, chương trình tiếng Anh toàn phần*) sau khi hoàn thành xét tuyển các Phương thức từ 1 đến 5 (theo kế hoạch xét tuyển sớm) và căn cứ kết quả xử lý nguyện vọng trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.7. Các lưu ý

a) Trước khi tải danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) các phương thức xét tuyển theo kế hoạch xét tuyển sớm (gồm các Phương thức 1 đến Phương thức 5) lên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xử lý nguyện vọng, Trường sẽ xác định danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển theo nguyên tắc: Nếu nguyện vọng trúng tuyển cùng ngành đào tạo và chương trình đào tạo (cùng mã đăng ký xét tuyển) của thí sinh xuất hiện đồng thời ở nhiều phương thức xét tuyển (trong 5 phương thức nói trên) thì Trường công nhận đủ điều kiện trúng tuyển cho nguyện vọng trúng tuyển ở phương thức xét tuyển đầu tiên xét theo thứ tự từ Phương thức 1 xuống Phương thức 5.

b) Chỉ tiêu tuyển sinh của các chương trình đào tạo, các phương thức xét tuyển có thể được điều chỉnh cho phù hợp căn cứ vào thực tế số lượng hồ sơ dự tuyển so với chỉ tiêu phân bổ.

c) Thí sinh trúng tuyển nhập học đại học chính quy thuộc chương trình chuẩn, chương trình đặc thù nếu có nguyện vọng **chuyển sang học Chương trình tích hợp, Chương trình tiếng Anh toàn phần** sẽ được Trường thông báo hướng dẫn thủ tục và thời gian đăng ký, điều kiện xét chuyển trong thời gian làm thủ tục nhập học.

d) Ngoài các chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy đối với các ngành đào tạo nêu trên do Trường Đại học Tài chính - Marketing tổ chức đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp, thí sinh có thể tham khảo và đăng ký vào học **các chương trình đào tạo liên kết quốc tế do các trường đại học nước ngoài cấp bằng cử nhân**. Thông tin chi tiết của các chương trình đào tạo này, thí sinh xem tại <https://isfm.ufm.edu.vn>.

2. Thủ tục, lịch trình và lệ phí xét tuyển:

2.1. Phương thức 1: Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển (mã phương thức: 301)

a) Hồ sơ dự tuyển:

Thí sinh kê khai hồ sơ dự tuyển bằng hình thức trực tuyến tại <https://dms.ufm.edu.vn/>

– Phiếu đăng ký xét tuyển (phiếu điện tử);

– Tập ảnh chụp (hoặc scan) các giấy tờ minh chứng đáp ứng các yêu cầu của đối tượng xét tuyển của phương thức, học bạ THPT (hoặc bảng kết quả học tập

THPT được Hiệu trưởng ký xác nhận, đóng dấu), các giải thưởng, chứng chỉ (nếu có), các giấy xác nhận có liên quan;

– Tập ảnh chụp (hoặc scan) bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) nếu thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) trước năm 2024.

Ghi chú: Mỗi loại giấy tờ minh chứng tương ứng với 01 tập ảnh chụp hoặc scan (hình ảnh phải rõ nét và đầy đủ thông tin), định dạng file: ".jpg", ".gif", ".png", ".pdf", ".jpeg".

b) Thời gian xét tuyển:

– Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: **sẽ thông báo khi có hướng dẫn tuyển sinh năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

Thí sinh đã xác nhận nhập học vào Trường thì không được tham gia xét tuyển ở trường khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung.

c) Lệ phí xét tuyển: miễn lệ phí.

2.2. Phương thức 2: Xét tuyển học sinh có kết quả học tập THPT tốt (mã phương thức: 201) và Phương thức 3: Xét tuyển kết quả học tập THPT theo tổ hợp môn (mã phương thức: 202)

a) Hồ sơ dự tuyển:

Thí sinh kê khai hồ sơ dự tuyển bằng hình thức trực tuyến tại <https://dms.ufm.edu.vn/>

– Phiếu đăng ký xét tuyển (phiếu điện tử);

– Tập ảnh chụp (hoặc scan) các giấy tờ minh chứng đáp ứng các yêu cầu của đối tượng xét tuyển của phương thức, học bạ THPT (hoặc bảng kết quả học tập THPT được Hiệu trưởng ký xác nhận, đóng dấu), các giải thưởng, chứng chỉ (nếu có), các giấy xác nhận có liên quan;

– Tập ảnh chụp (hoặc scan) bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) nếu thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) trước năm 2024.

Ghi chú: Mỗi loại giấy tờ minh chứng tương ứng với 01 tập ảnh chụp hoặc scan (hình ảnh phải rõ nét và đầy đủ thông tin), định dạng file: ".jpg", ".gif", ".png", ".pdf", ".jpeg".

b) Thời gian xét tuyển:

– Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: **sẽ thông báo khi có hướng dẫn tuyển sinh năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

Thí sinh đã xác nhận nhập học vào Trường thì không được tham gia xét tuyển ở trường khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung.

c) Lệ phí xét tuyển: **30.000** đồng/hồ sơ/phương thức, diện xét tuyển.

– Phương thức nộp lệ phí: thí sinh chuyển khoản qua Số tài khoản: 3130969697 tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) chi nhánh Bắc Sài Gòn.

Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển bằng hình thức chuyển khoản cần ghi rõ nội dung [CMND/CCCD], [Họ tên thí sinh], [Lệ phí xét tuyển 2024]

– Thời gian nộp lệ phí: Từ ngày ra thông báo tuyển sinh.

2.3. Phương thức 4: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (mã phương thức: 402)

a) Hồ sơ dự tuyển:

Thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào Trường theo hướng dẫn tại địa chỉ đăng ký dự thi kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024 tại <https://thinangluc.vnuhcm.edu.vn/>.

b) Thời gian xét tuyển:

– Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: Thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào Trường theo hướng dẫn tại địa chỉ đăng ký dự thi kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024 tại <https://thinangluc.vnuhcm.edu.vn/>.

Thí sinh đã xác nhận nhập học vào Trường thì không được tham gia xét tuyển ở trường khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung.

c) Lệ phí xét tuyển: Theo thông báo của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

– Phương thức nộp lệ phí: Thí sinh thực hiện nộp lệ phí theo hướng dẫn tại địa chỉ đăng ký dự thi kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024 tại <https://thinangluc.vnuhcm.edu.vn/>

2.4. Phương thức 5: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá đầu vào trên máy tính (V-SAT) phục vụ tuyển sinh năm 2024 của các trường tham gia ký kết với Trường Đại học Tài chính – Marketing (mã phương thức: 404)

a) Hồ sơ dự tuyển:

Thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào Trường theo hướng dẫn tại địa chỉ <https://tuyensinh.ufm.edu.vn/>. Thí sinh sẽ được hướng dẫn chi tiết khi có thông tin tổ chức thi của kỳ thi này và thông báo tuyển sinh của Trường.

b) Thời gian xét tuyển:

– Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: **thông báo khi có hướng dẫn tuyển sinh năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

Thí sinh đã xác nhận nhập học vào Trường thì không được tham gia xét tuyển ở trường khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung.

c) Lệ phí xét tuyển: **30.000** đồng/hồ sơ/phương thức.

– Phương thức nộp lệ phí: thí sinh chuyển khoản qua Số tài khoản: 3130969697 tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) chi nhánh Bắc Sài Gòn.

Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển bằng hình thức chuyển khoản cần ghi rõ nội dung

[CMND/CCCD], [Họ tên thí sinh], [Lệ phí xét tuyển 2024]

– Thời gian nộp lệ phí: Từ ngày ra thông báo tuyển sinh.

2.5. Phương thức 6: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT (mã phương thức: 100)

a) Hồ sơ dự tuyển:

Thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào Trường trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (hoặc qua Công dịch vụ công quốc gia).

b) Thời gian xét tuyển:

– Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: **thông báo khi có hướng dẫn tuyển sinh năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

Thí sinh đã xác nhận nhập học vào Trường thì không được tham gia xét tuyển ở trường khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung.

c) Kinh phí xét tuyển, hình thức nộp và thời gian nộp kinh phí xét tuyển: theo quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

III. HỌC PHÍ

Theo thông báo của Nhà trường tại <https://dms.ufm.edu.vn/>

IV. THÔNG TIN LIÊN LẠC

Mọi thông tin về tuyển sinh, định hướng nghề nghiệp, việc làm, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo của Trường, thí sinh xem tại <http://ufm.edu.vn/>, <https://dms.ufm.edu.vn/>, hoặc liên lạc:

+ Trụ sở chính: Phòng Quản lý đào tạo, Trường Đại học Tài chính - Marketing; số 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh .

+ Cơ sở Quận 7: Văn phòng Đào tạo chương trình Chất lượng cao; Phòng A.207, số 27 Tân Mỹ, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 3772.0406 - 3772.0407 - 3772.0404 Email: dms@ufm.edu.vn

Nơi nhận:

- HĐT (đề báo cáo);
- Ban Giám hiệu (đề báo cáo);
- HĐTS năm 2024;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Thông báo, website;
- Lưu: VT, QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Tiến Đạt

PHỤ LỤC 1
NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC ĐÚNG/PHÙ HỢP
THEO MÔN THI HỌC SINH GIỎI

STT	Môn thi	Ngành đúng	Ngành phù hợp
1	Toán		Tất cả các ngành đào tạo của Trường
2	Vật lý		Tất cả các ngành đào tạo của Trường
3	Hóa học		Tất cả các ngành đào tạo của Trường
4	Sinh học		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Ngôn ngữ Anh
5	Tin học		Tất cả các ngành đào tạo của Trường
6	Ngữ văn		Tất cả các ngành đào tạo của Trường
7	Lịch sử		Tất cả các ngành đào tạo của Trường
8	Địa lý		Tất cả các ngành đào tạo của Trường
9	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Tất cả các ngành đào tạo còn lại của Trường



PHỤ LỤC 2
DANH MỤC LĨNH VỰC CỦA CUỘC THI KHOA HỌC - KỸ THUẬT

STT	Lĩnh vực	Lĩnh vực chuyên sâu	Ghi chú
1	Hóa học	Hóa phân tích; Hóa học trên máy tính; Hóa môi trường; Hóa vô cơ; Hóa vật liệu; Hóa hữu cơ; Hóa Lý;...	
2	Hệ thống nhúng	Kỹ thuật mạch; Vi điều khiển; Giao tiếp mạng và dữ liệu; Quang học; Cảm biến; Gia công tín hiệu;...	
3	Năng lượng: Hóa học	Nhiên liệu thay thế; Năng lượng hóa thạch; Phát triển tế bào nhiên liệu và pin; Vật liệu năng lượng mặt trời;...	
4	Năng lượng: Vật lý	Năng lượng thủy điện; Năng lượng hạt nhân; Năng lượng mặt trời; Năng lượng nhiệt; Năng lượng gió;...	
5	Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật hàng không và vũ trụ; Kỹ thuật dân dụng; Cơ khí trên máy tính; Lý thuyết điều khiển; Hệ thống vận tải mặt đất; Kỹ thuật gia công công nghiệp; Kỹ thuật cơ khí; Hệ thống hàng hải;...	
6	Khoa học vật liệu	Vật liệu sinh học; Gốm và Thủy tinh; Vật liệu composite; Lý thuyết và tính toán; Vật liệu điện tử, quang và từ; Vật liệu nano; Pô-li-me;...	
7	Toán học	Đại số; Phân tích; Rời rạc; Lý thuyết Game và Graph; Hình học và Tô pô; Lý thuyết số; Xác suất và thống kê;...	
8	Vật lý và Thiên văn	Thiên văn học và Vũ trụ học; Vật lý nguyên tử; phân tử và quang học; Lý - Sinh; Vật lý trên máy tính; Vật lý thiên văn; Vật liệu đo; Từ, Điện từ và Plasma; Cơ học; Vật lý hạt cơ bản và hạt nhân; Quang học; La-de; Thu phát sóng điện từ; Lượng tử máy tính; Vật lý lý thuyết;...	
9	Rô bốt và máy thông minh	Máy sinh học; Lý thuyết điều khiển; Rô bốt động lực;...	
10	Phần mềm hệ thống	Thuật toán; An ninh máy tính; Cơ sở dữ liệu; Hệ điều hành; Ngôn ngữ lập trình;...	
11	Khoa học động vật	Hành vi; Tế bào; Môi liên hệ và tương tác với môi trường tự nhiên; Gen và di truyền; Dinh dưỡng và tăng trưởng; Sinh lý; Hệ thống và tiến hóa;...	
12	Y Sinh và khoa học Sức khỏe	Chẩn đoán; Điều trị; Phát triển và thử nghiệm dược liệu; Dịch tễ học; Dinh dưỡng; Sinh lý học và Bệnh lý học;...	
13	Kỹ thuật Y Sinh	Vật liệu Y Sinh; Cơ chế Sinh học; Thiết bị Y sinh; Kỹ thuật tế bào và mô; Sinh học tổng hợp;...	
14	Sinh học tế bào và phân tử	Sinh lý tế bào; Gen; Miễn dịch; Sinh học phân tử; Sinh học thần kinh;...	
15	Khoa học xã hội và hành vi	Điều dưỡng và phát triển; Tâm lý; Tâm lý nhận thức; Tâm lý xã hội và xã hội học;...	*



STT	Lĩnh vực	Lĩnh vực chuyên sâu	Ghi chú
16	Hóa Sinh	Hóa-Sinh phân tích; Hóa-Sinh tổng hợp; Hóa-Sinh-Y; Hóa-Sinh cấu trúc;...	*
17	Sinh học trên máy tính và Sinh-Tin	Kỹ thuật Y sinh; Dược lý trên máy tính; Sinh học mô hình trên máy tính; Tiến hóa sinh học trên máy tính; Khoa học thần kinh trên máy tính; Gen;...	*
18	Khoa học Trái đất và Môi trường	Khí quyển; Khí hậu; Ảnh hưởng của môi trường lên hệ sinh thái; Địa chất; Nước;...	*
19	Kỹ thuật môi trường	Xử lý môi trường bằng phương pháp sinh học; Khai thác đất; Kiểm soát ô nhiễm; Quản lý chất thải và tái sử dụng; Quản lý nguồn nước;...	*
20	Vi Sinh	Vi trùng và kháng sinh; Vi sinh ứng dụng; Vi khuẩn; Vi sinh môi trường; Kháng sinh tổng hợp; Vi-rút;...	*
21	Khoa học Thực vật	Nông nghiệp; Môi liên hệ và tương tác với môi trường tự nhiên; Gen và sinh sản; Tăng trưởng và phát triển; Bệnh lý thực vật; Sinh lý thực vật; Hệ thống và tiến hóa;...	*
22	Y học chuyên dịch	Khám bệnh và chẩn đoán; Phòng bệnh; Điều trị; Kiểm định thuốc; Nghiên cứu tiền lâm sàng;...	*

Ghi chú: (*) Lĩnh vực dự thi bắt buộc thí sinh phải nộp xác nhận môn học liên quan của đơn vị tổ chức cuộc thi./.